

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 71 /2003/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2003

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Triển khai thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí, Chính phủ đã có Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định rõ nguyên tắc xác định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí, đồng thời có phân cấp cho Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là cấp tỉnh) ban hành một số loại phí;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 57/2002/NĐ-CP nêu trên, Bộ Tài chính hướng dẫn thêm một số điểm về các loại phí này như sau:

I. NHỮNG LOẠI PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Theo quy định của Nghị định 57/2002/NĐ-CP, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với những loại phí sau:

1. Phí xây dựng;
2. Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính;
3. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất;
4. Phí chợ;
5. Phí đấu thầu, đấu giá (đối với phí do cơ quan địa phương tổ chức thu);
6. Phí sử dụng đường bộ (đối với đường thuộc địa phương quản lý);
7. Phí qua cầu (đối với cầu thuộc địa phương quản lý);

8. Phí qua đò;
9. Phí qua phà (đối với phà thuộc địa phương quản lý);
10. Phí sử dụng lề đường, bến, bãi, mặt nước;
11. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai;
12. Phí thư viện (đối với thư viện thuộc địa phương quản lý);
13. Phí an ninh, trật tự;
14. Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô;
15. Phí tham quan danh lam thắng cảnh (đối với danh lam thắng cảnh thuộc địa phương quản lý);
16. Phí tham quan di tích lịch sử (đối với di tích lịch sử thuộc địa phương quản lý);
17. Phí tham quan công trình văn hoá (đối với công trình văn hoá thuộc địa phương quản lý);
18. Phí dự thi, dự tuyển (đối với cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc địa phương quản lý);
19. Phí vệ sinh;
20. Phí phòng, chống thiên tai.

II. XÁC ĐỊNH MỨC THU VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN PHÍ THU ĐƯỢC

Theo quy định tại Điều 5 của Nghị định 57/2002/NĐ-CP thì Hội đồng nhân dân quy định đối với phí được phân cấp bao gồm việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với từng phí cụ thể. Việc quy định này căn cứ vào nguyên tắc chung sau:

1. Về mức thu: bảo đảm nguyên tắc xác định mức thu quy định tại Điều 8 của Nghị định 57/2002/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần A, mục III của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

2. Về quản lý, sử dụng tiền phí thu được: bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 17 của Nghị định 57/2002/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần C và phần D, mục III của Thông tư số 63/2002/TT-BTC nêu trên.

3. Đối với các loại phí có ý nghĩa quan trọng của tỉnh, có số thu lớn, có thể quy định mức thu cụ thể được, như phí cầu, đường bộ thuộc phạm vi quản lý, phí xây dựng...` thì việc quyết định mức thu đối với từng loại phí được phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải bảo đảm đúng trình tự quy định tại Điều 11 Pháp lệnh phí và lệ phí là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định. Tuy nhiên, trong thực tế cũng có những khoản thu phí nếu ban hành như vậy vừa cụ thể, nhỏ nhặt mà không kịp thời, không phù hợp với hoạt động của Hội đồng nhân dân, thí dụ như: phí đò, phí chợ nông thôn,... nếu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ra văn bản cho từng đò, từng chợ cụ thể sẽ mất thời gian không cần thiết, không kịp thời. Để khắc phục tình hình trên, dưới đây xin hướng dẫn một số nguyên tắc cụ thể để địa phương vận dụng, như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định khung mức thu cho cả tỉnh về từng loại phí. Căn cứ vào khung mức thu đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quy định mức thu cụ thể cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng địa bàn có xuất hiện, phát sinh hoặc cần thiết phải thu phí để áp dụng, thực hiện ngay.

b) Đối với một số loại phí mà Chính phủ hoặc Bộ Tài chính đã có văn bản quy định, gồm: phí đấu thầu, đấu giá, phí sử dụng đường bộ, phí qua cầu, phí qua phà, phí dự thi, dự tuyển thì mức thu được áp dụng theo quy định tại các văn bản đó cho đến khi có hướng dẫn thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản mới (thí dụ như: phí sử dụng đường bộ, từ ngày 01/3/2003 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2002/TT-BTC ngày 06/12/2002 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ). Trường hợp mức thu của loại phí nào không phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trao đổi thống nhất với Bộ Tài chính trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

c) Đối với các loại phí khác (ngoài các loại phí đã nêu tại tiết b, điểm này): tùy từng điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động thu phí, cần lưu ý một số điểm về nội dung và mức thu như sau:

c.1. Đối với phí xây dựng

Phí xây dựng là khoản thu vào chủ đầu tư xây dựng công trình để sản xuất, kinh doanh hoặc làm nhà ở, nhằm mục đích hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng công cộng trên địa bàn mà chủ đầu tư xây

dựng công trình.

Mức thu phí: có thể được tính bằng tỷ lệ % trên giá trị công trình xây dựng (không bao gồm giá trị thiết bị lắp đặt), tùy thuộc vào loại công trình xây dựng (là nhà ở hoặc là công trình xây dựng để sản xuất, kinh doanh) và khu vực dân cư mà áp dụng mức thu khác nhau cho phù hợp. Mức thu áp dụng đối với công trình xây dựng làm nhà ở thấp hơn đối với công trình xây dựng để sản xuất, kinh doanh. Mức thu tối đa không quá 0,5% đối với công trình có mức vốn xây dựng nhóm A, không quá 1% đối với công trình có mức vốn xây dựng nhóm B và không quá 2% đối với công trình có mức vốn xây dựng nhóm C.

c.2. Đối với phí đo đạc, lập bản đồ địa chính

Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính là khoản thu vào các chủ dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc được phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất, nhằm hỗ trợ thêm cho chi phí đo đạc, lập bản đồ địa chính ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ.

Mức thu phí: căn cứ vào các bước công việc, yêu cầu công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính và tùy thuộc vào vị trí, diện tích đất được giao, được thuê hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng lớn hay nhỏ của từng dự án, nhưng mức thu tối đa không quá 1.000 đồng/m².

c.3. Đối với phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất

Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất là khoản thu vào các đối tượng đăng ký, nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định, nhằm bù đắp chi phí thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất như: điều kiện về hiện trạng sử dụng đất, điều kiện về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều kiện về sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh... Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng đối với cả trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất.

Mức thu: tùy thuộc vào diện tích đất cấp quyền sử dụng, tính chất phức tạp của từng loại hồ sơ cấp quyền sử dụng đất, như cấp mới, cấp lại; việc sử dụng đất vào mục đích khác nhau (làm nhà ở, để sản xuất, kinh doanh) và các điều kiện cụ thể của địa phương mà áp dụng mức thu khác nhau cho phù hợp, bảo đảm nguyên tắc mức thu đối với đất sử dụng làm nhà ở thấp hơn đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, mức thu cao nhất không quá 5.000.000 đồng/hồ sơ.

c.4. Đối với phí chợ

Phí chợ là khoản thu về sử dụng diện tích bán hàng đối với những người buôn bán trong chợ nhằm bù đắp chi phí đầu tư, quản lý chợ của ban quản lý, tổ quản lý hoặc doanh nghiệp quản lý chợ.

Mức thu: tùy thuộc vào quy mô chợ, tính chất hoạt động của từng loại chợ, diện tích bán hàng của người buôn bán tại chợ và tình hình cụ thể của địa phương mà áp dụng mức thu khác nhau cho phù hợp, như:

Đối với chợ có hộ đặt cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ, mức thu phí có thể quy định cho cả tháng, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/m²/tháng;

Đối với chợ có người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ, mức thu phí có thể tính theo từng người đem hàng hoá vào bán hoặc tính theo số lượng hàng hoá nhập chợ. Mức thu tối đa không quá 8.000 đồng/người/ngày. Trường hợp tính theo số lượng hàng hoá nhập chợ, tùy thuộc vào tính chất, giá trị của hàng hoá nhập chợ, mức thu có thể tính theo kg, con... hoặc theo trọng tải của xe chở hàng hoá nhập chợ, nhưng không quá 100.000 đồng/xe hoặc lô hàng hoá nhập chợ.

c.5. Đối với phí qua đò

Phí qua đò là khoản thu của chủ đò hoặc bến khách đối với người thuê đò để chở khách, hàng hoá ngang qua sông, kênh hoặc đi dọc sông, kênh, hồ hoặc cập vào tàu khách để đón, trả hành khách trong khi tàu khách đang hành trình. Khoản phí này dùng để bù đắp chi phí để chạy đò và chi phí quản lý của bến khách (nếu có).

Mức thu phí: tùy thuộc vào loại đò (chuyển động bằng chèo, buồm, dây kéo hoặc bằng máy), tính chất hoạt động là đò ngang, đò dọc hay đò màn, khoảng cách chạy đò và tình hình cụ thể của địa phương mà áp dụng mức thu khác nhau cho phù hợp, như:

Đối với đò ngang: mức thu đối với hành khách tối đa không quá 5.000 đồng/người; đối với hành khách có đem theo xe đạp, xe máy thì có thể thu thêm nhưng không quá 5.000 đồng/xe; đối với hàng hoá qua đò chỉ thu đối với hàng hoá có khối lượng từ 50 kg trở lên (dưới 50 kg được tính như đối với xe đạp, xe máy đi kèm theo hành khách) với mức thu tùy thuộc vào trọng lượng của hàng hoá qua đò, nhưng tối đa không quá 5.000 đồng/một đơn vị tính là 50 kg. Trường hợp là hàng hoá cồng kềnh thì mức thu có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 2 lần mức thu đối với hàng hoá thông thường.

Đối với đò dọc: do hành khách hoặc chủ hàng thoả thuận với chủ đò hoặc bến khách cho phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể, nhưng tối đa không quá 5.000 đồng/km/người hoặc 50 kg hàng hoá.

Đối với đò màn: mức thu tối đa không quá 10.000 đồng/người.